TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2026
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Triển
2. Ông Phùng Văn Thông

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10-Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 246/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc Á, sinh năm 1997; số CCCD: 026197008643; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1990; số CCCD: 026090014711; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2026, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn ngày 06/6/2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại TDP L, thị trấn T. Quá trình sống chung tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến giữa năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng nhiều lần trao đổi nhưng tình cảm không được cải thiện. Từ đầu năm 2026 thì vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích

hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 06/3/2016 và cháu Nguyễn Đình L1, sinh ngày 27/12/2021. Hiện cháu L đang ở cùng anh V còn cháu L1 đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Chị làm nghề buôn bán hoa quả, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng/tháng nên chị đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để chăm sóc nuôi dưỡng cháu L1 mà không cần anh V cấp dưỡng. Nên chị đề nghị chị và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ, công sức lao động, đất canh tác: Chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Á đề nghị nộp toàn bộ theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận trình bày của chị Á về thời gian kết hôn, quá trình sống chung và mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến cãi vã nhau như chị Á trình bày là đúng. Tuy nhiên anh xác định chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng. Anh cũng đã cố gắng để hàn gắn nhưng chị Á không đồng ý. Hai bên gia đình nội ngoại cũng can thiệp, động viên nhưng chị Á không cho anh cơ hội để hàn gắn. Mặc dù anh không muốn ly hôn để hai con nhận được sự chăm sóc đầy đủ của cha mẹ nhưng nếu chị Á đã cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 06/3/2016 và cháu Nguyễn Đình L1, sinh ngày 27/12/2021. Hiện cháu L đang ở cùng anh còn cháu L1 khoảng 02 tháng nay anh đã cho cháu lên ở cùng chị Á. Hiện chị Á đang buôn bán hàng hoa quả trên thành phố L (cũ) thuộc tỉnh Lào Cai, nguồn thu nhập do mẹ đẻ chị Á trực tiếp chi trả anh không nắm được. Còn anh đang làm nghề nha khoa cho phòng khám răng tư nhân có nguồn thu nhập ổn định. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, công sức lao động, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị chị Á nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/6/2026 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Phú Thọ thể hiện:

Chị Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 04/5/1997 và anh Nguyễn Văn V, sinh ngày 24/5/1990 kết hôn với nhau ngày 06/6/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung

sống cùng nhau tại TDP L, thị trấn T. Quá trình anh chị sống chung, anh chị có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm bắt được. Về con chung: Vợ chồng chị Á, anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 06/3/2016 và cháu Nguyễn Đình L1, sinh ngày 27/12/2021. Việc ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn của các bên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ của vợ chồng, địa phương không nắm rõ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Á. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Cho chị Lê Thị Ngọc Á được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

- Giao cho chị Lê Thị Ngọc Á được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình L1, sinh ngày 27/12/2021; giao cho anh Nguyễn Văn V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 06/3/2016. Chị Á, anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Án phí: Do chị Á đề nghị chịu toàn bộ án phí, nên chị Á phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc Á khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn V. Bị đơn anh V cư trú tại thôn L, xã T, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 năm 2025).

Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Á vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Á.

[2]. Xét về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 04/5/1997 và anh Nguyễn Văn V, sinh ngày 24/5/1990 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/6/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Việc kết hôn được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp bị cấm kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký theo đúng quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Á và anh V là hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn không được khắc phục, chị Á và anh V đã sống ly thân từ đầu năm 2026 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Mặc dù đã có thời gian sống xa nhau để nhìn nhận lại quan hệ hôn nhân, nhưng hai bên không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm và khôi phục đời sống chung.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh V ban đầu không đồng ý ly hôn và trình bày mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh V không đưa ra được biện pháp cụ thể, khả thi để giải quyết những bất đồng, khắc phục nguyên nhân mâu thuẫn và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa, anh V đồng ý ly hôn với chị Á. Cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Á và anh V không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc Á, cho chị Á được ly hôn với anh Nguyễn Văn V theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Văn V thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 06/3/2016 và cháu Nguyễn Đình L1, sinh ngày 27/12/2021. Hiện nay, cháu L đang sinh sống cùng anh V, cháu L1 đang sinh sống cùng chị Á. Khi ly hôn, chị Á đề nghị được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L1; giao cháu L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị Á và anh V đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con; cả hai đều không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Do đó, việc quyết định người trực tiếp nuôi con không chỉ căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên mà cần xem xét toàn diện độ tuổi, nhu cầu được chăm sóc, môi trường sinh sống, sự gắn bó của các cháu với cha, mẹ và nguyện vọng của con đã đủ 07 tuổi.

Đối với cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng anh V. Nguyện vọng này phù hợp với thực tế cháu đang được anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ổn định về nơi ở, sinh hoạt, học tập. Vì vậy, giao cháu L cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu, đồng thời hạn chế sự xáo trộn không cần thiết đối với môi trường sống và học tập hiện tại của cháu.

Đối với cháu Nguyễn Đình L1, cháu còn nhỏ, nhu cầu chăm sóc trực tiếp trong sinh hoạt hằng ngày còn nhiều. Chị Á có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu và có đủ điều kiện thực hiện trách nhiệm của người mẹ đồng thời cháu đang được chị Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh L cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Nguyễn Đình L1 cho chị Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của cháu L và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các con. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Á và anh V mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con và đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, công nợ, công sức lao động, đất canh tác: Chị Á, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Á tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc Á.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc Á được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 06/3/2016; giao cho chị Lê Thị Ngọc Á trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình L1, sinh ngày 27/12/2021 (hiện cháu L1 đang ở cùng chị Á, cháu L đang ở cùng anh V). Chị Á, anh V không ai phải cấp

dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc Á phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0004668 ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Lê Thị Ngọc Á đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Bị đơn sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 10-Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Thổ Tang, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Phượng